

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ- ST

Ngày 22-12-2022

*“V/v Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Lan Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Ngọc Chiến;

2. Bà Lê Thị Thanh Thủy;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:** Ông Lã Hải Long - kiểm sát viên.

Trong ngày 22/12/2022, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/10/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST - HNGĐ ngày 22/11/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Quang D; nơi cư trú: tổ H, khu B, phường P, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh - có mặt.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Thanh N; nơi thường trú: tổ H, khu B, phường P, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: tổ N, khu B, phường T, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh - có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và lời khai tòa án nguyên đơn anh Trần Quang D trình bày: Anh và chị Lê Thị Thanh N kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thành phố Hà Nội đến cuối năm 2009 thì vợ chồng chuyển về sinh sống tại tổ 29, khu 2, phường Cẩm Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Thời gian hạnh phúc đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng

thiếu tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống và nhiều vấn đề khác. Sau nhiều lần anh cố hàn gắn tình cảm, hai bên gia đình có khuyên bảo, hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng. Quan điểm sống khác nhau, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, căng thẳng, khủng hoảng kéo dài. Anh và chị N sống ly thân từ năm 2020, đến năm 2021 anh làm đơn xin ly hôn nhưng được tòa án Hòa giải nên anh xin rút đơn về đoàn tụ. Việc anh rút đơn về đoàn tụ cũng do chị N dọa tự tử tại Tòa án và gia đình gây áp lực nên anh rút đơn. Nhưng từ đó đến nay tình trạng vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng cãi nhau nhiều hơn, mâu thuẫn không được cải thiện. Chị N về tổ N, khu B, phường T, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh sinh sống, còn anh sống tại Cẩm Phú cùng nhà với bố mẹ đẻ của anh và bán hàng, song chị N vẫn không dừng lại việc gây mâu thuẫn vợ chồng. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là chị N xuống quấy phá tại nơi anh làm việc được cơ quan công an phường Cẩm Phú xử lý lập biên bản. Đến nay mâu thuẫn của anh và chị N đã trầm trọng, anh không còn tình cảm với chị N nữa, anh kiên quyết xin ly hôn với chị N.

- **Về con chung:** Anh và chị N có 03 con chung là Trần Lê Gia B, sinh ngày 04/9/2006, Trần Tuấn N: sinh ngày 01/12/2011; Trần Quang V: sinh ngày 08/4/2016. Khi ly hôn anh xin nuôi con Trần Lê Gia B, còn Trần Tuấn N và Trần Quang V để chị N nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng/ 1 con chung với chị N để nuôi cháu N, cháu V đến khi thành niên. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi cháu Trần Lê Gia B.

- Về tài sản chung và vay, nợ chung: Không có.

Chị Lê Thị Thanh N có lời khai tại tòa án thể hiện quan điểm chị không đồng ý ly hôn với anh D, lý do anh D xin ly hôn với chị là vì anh có quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác. Chị và anh D đã sống ly thân từ năm 2021. Anh D và chị đã có đơn giải quyết ly hôn đến Tòa án sau đó Tòa án hòa giải anh D đã rút đơn về đoàn tụ gia đình. Từ khi anh D rút đơn về, chị và anh D không chung sống cùng nhau. Để tránh mâu thuẫn vợ chồng chị đã chuyển về sống riêng tại tổ N, khu B, phường T, Cẩm Phả để sinh sống cùng 3 con. Trong thời gian sống ly thân chị vẫn thường xuyên qua lại gia đình chồng, làm tròn trách nhiệm của một người mẹ, người vợ và nói chuyện hàn gắn tình cảm với anh D nhưng anh D không đồng ý. Anh D tiếp tục có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị vẫn còn tình cảm với anh D, chị mong muốn đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái, chị không đồng ý ly hôn.

- **Về con chung:** Chị và anh D có 03 con chung là Trần Lê Gia B, sinh ngày 04/9/2006, Trần Tuấn N; sinh ngày 01/12/2011; Trần Quang V; sinh ngày 08/4/2016. Khi ly hôn chị xin nuôi cả 02 con là Trần Tuấn N và Trần Quang V chị yêu cầu anh D cấp dưỡng 6.000.000 đồng/ tháng/ 1 con chung cùng với chị

đến khi thành niên. Chị có công việc ổn định thu nhập 4.000.000đồng/ tháng, còn cháu Gia Bảo đã lớn cũng thống nhất để anh D nuôi dưỡng.

**- Về tài sản chung và vay, nợ chung:** Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn, thụ lý vụ án đúng trình tự, thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ đảm bảo. Trình tự thụ lý, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc giao các thông báo, quyết định cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng và quá trình xét xử đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Quang D, anh D được ly hôn với chị N. Công nhận sự thỏa thuận của anh D chị N về việc giao con chung Trần Lê Gia B cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Trần Tuấn N và Trần Quang V. Chấp nhận mức cấp dưỡng cho mỗi con chung 04(bốn) triệu đồng/tháng/1 con của anh D. Không chấp nhận mức cấp dưỡng mà chị N yêu cầu là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/ 1 con/ tháng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Đương sự tranh chấp về Hôn nhân và gia đình có hộ khẩu thường trú tại phường Cẩm Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh Trần Quang D và chị Lê Thị Thanh N là hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm: Mâu thuẫn giữa anh Trần Quang D và chị Lê Thị Thanh N kéo dài nhiều năm, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã và đánh nhau được chứng minh bằng lời khai của các con chung của anh chị, biên bản thu thập chứng cứ tại địa phương cũng như biên bản ngăn chặn của công an phường Cẩm Phú. Năm 2020 do mâu thuẫn vợ chồng anh D đã khởi kiện xin ly hôn với chị N, Tòa án đã hòa giải, năm 2021 anh D đã rút đơn về đoàn tụ nhưng sau khi rút đơn tại tòa án, vợ chồng vẫn không chung sống cùng nhau. Anh D chị N cùng quan tâm và có mối

liên hệ chung là các con, bản thân hai người sống ly thân từ đó đến nay đủ thấy mâu thuẫn giữa anh D chị N không được cải thiện. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh D, chị N đã trầm trọng, kéo dài, duy trì hôn nhân không đảm bảo hạnh phúc do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Quang D như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tại phiên tòa. Không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của chị Lê Thị Thanh N.

Về con chung: Chị N và anh D có 03 con chung là Trần Lê Gia B, sinh ngày 04/9/2006, Trần Tuấn N; sinh ngày 01/12/2011; Trần Quang V; sinh ngày 08/4/2016. Xét nguyện vọng của các con chung, điều kiện và khả năng nuôi dưỡng con chung cũng như thỏa thuận của chị N, anh D về việc nuôi dưỡng con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị N, anh D về việc khi ly hôn anh D trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung Trần Lê Gia B, chị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con Trần Tuấn N và Trần Quang V.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Xét điều kiện thu nhập cũng như các điều kiện khác đảm bảo cho nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của con chung, chấp nhận mức cấp dưỡng cho con 4.000.000 đồng/tháng/1 con chung như quan điểm anh D, không chấp nhận mức cấp dưỡng cho mỗi con chung 6.000.000đồng/tháng mà chị N yêu cầu.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Anh D phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quang D.

Anh Trần Quang D được ly hôn với chị Lê Thị Thanh N.

**Về con chung:** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao con chung Trần Lê Gia B, sinh ngày 04/9/2006 cho anh Trần Quang D có quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Giao 02 con chung Trần Tuấn N, sinh ngày 01/12/2011 và Trần Quang V, sinh ngày 08/4/2016 cho chị Lê Thị Thanh N có quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

**Về cấp dưỡng cho con:** Buộc anh Trần Quang D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Trần Tuấn N số tiền 4.000.000 đồng/ tháng; Trần Quang V số tiền 4.000.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2022 đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con Trần Lê Gia B.

Anh D, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Trần Quang D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Trần Quang D đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005154 ngày 13/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả (anh Trần Quang D đã nộp đủ án phí ly hôn). Anh Trần Quang D còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Anh Trần Quang D, chị Lê Thị Thanh N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Cẩm Phả;
- TAND tỉnh Q/N;
- CCTHADS TP Cẩm Phả;
- UBND p Mai Dịch, q Cầu Giấy, Tp. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Thị Lan Anh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**







